

Số: **51/2021/QĐST-VDS**

Thành phố Huế, ngày 01 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố một người mất tích**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Ngô Văn Nam.

Thư ký phiên họp: Bà Bùi Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên họp:
Ông Nguyễn Trường Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Huế mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 195/2020/TLST-VDS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc Yêu cầu tuyên bố một người mất tích theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2021/QĐST-MPHVDS ngày 19 tháng 3 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Đ.T.H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Đường D, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú hiện tại: Đường L, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu N.Đ.N.T1, sinh ngày 25/11/2007;

+ Cháu N.Đ.N.T2, sinh ngày 09/11/2011;

Người đại diện hợp pháp cho cháu T1 và cháu T2: Bà Đ.T.H (Là người yêu cầu).

Đều có địa chỉ: Đường D, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú hiện tại: Đường L, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Cháu T1 và cháu T2 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 02/6/2020, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng ngày 06/11/2020, người yêu cầu là bà Đ.T.H trình bày:

Bà Đ.T.H kết hôn hợp pháp với ông N.N.N vào năm 2006, tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, hai người sống chung ở nhà mẹ ông N tại Đường D, phường H, thành phố

H, tỉnh Thừa Thiên Huế và đã có chung với nhau 02 người con là các cháu N.Đ.N.T1 và N.Đ.N.T2. Đến năm 2010, bà H và ông N đưa các con ra ở riêng, thuê nhà trọ tại Đường L, phường K, thành phố H để cư trú và sinh sống. Vào năm 2016, vợ chồng bà H, ông N xảy ra mâu thuẫn do ông N đã quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không giải quyết được và ông N đã bỏ nhà đi từ tháng 01/2017 cho đến nay. Kể từ ngày bỏ đi, ông N đã tự ý cắt đứt mọi liên lạc, không một lần nào điện thoại hay trở về thăm gia đình, bà H đã nhiều lần hỏi thăm thông tin và tìm kiếm ông N nhưng đều không có kết quả. Đến nay, bà H không biết ông N đang làm gì, ở đâu, còn sống hay đã chết. Để ổn định cuộc sống, bà H yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tuyên bố ông N.N.N mất tích.

- Về quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích: Theo trình bày của bà H, trong quá trình chung sống, bà và ông N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn yêu cầu, bà Đ.T.H đã giao nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo gồm: Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân Đ.T.H, N.N.N; Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ N.N.N; Đơn xác nhận của Tổ trưởng Tổ dân phố X, phường H và được xác nhận của UBND phường H, thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các cháu N.Đ.N.T1 và N.Đ.N.T2 đều trình bày: Cha của các cháu là ông N.N.N đã bỏ nhà đi từ hơn 03 năm nay và không một lần nào về thăm nhà hay điện thoại thăm hỏi nên các cháu đều không biết ông Nam đang làm gì và ở đâu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký phiên họp, người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Về yêu cầu Tòa án tuyên bố ông N.N.N mất tích của bà Đ.T.H: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc do người yêu cầu giao nộp cũng như được Tòa án tiến hành xác minh, thu thập đã chứng minh ông N.N.N đã bỏ đi từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay không có tin tức gì. Tòa án đã tiến hành thông báo tìm kiếm ông N trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đến nay đã hết thời hạn thông báo (04 tháng) nhưng ông N không trở về và cũng không ai biết tin tức gì về ông N. Do đó, yêu cầu của bà Đ.T.H về việc tuyên bố ông N.N.N là một người mất tích là có cơ sở, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Huế nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là yêu cầu giải quyết việc dân sự về tuyên bố một người mất tích theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của

Bộ luật tố tụng dân sự. Người bị yêu cầu là ông N.N.N có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại thành phố H là thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

[2] Về quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích của bà Đ.T.H: Bà Đ.T.H và ông N.N.N kết hôn với nhau vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, nên bà H là vợ hợp pháp của ông N. Nay ông N bỏ nhà đi biệt tích từ năm 2017 cho đến nay không có tin tức gì, cho nên bà H có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố ông N.N.N mất tích.

[3] Xét về yêu cầu của bà Đ.T.H về việc tuyên bố ông N.N.N mất tích, thấy rằng:

Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà H, ông N xảy ra mâu thuẫn do ông N có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng không giải quyết được. Tháng 01/2017, ông N đã bỏ nhà đi cho đến nay không những không trở về mà còn cắt đứt mọi liên lạc. Bà H đã áp dụng nhiều biện pháp tìm kiếm ông N nhưng đều không có kết quả. Đến nay, bà H và gia đình đều không có tin tức gì của ông N.N.N.

Ngày 10/11/2020, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích đối với ông N.N.N trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. Đến nay đã hơn 04 tháng kể từ ngày thông báo tìm kiếm nhưng ông N không trở về và cũng không ai biết tin tức gì về ông N.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an phường H, thành phố H cũng như Tổ trưởng Tổ dân phố nơi ông N.N.N đăng ký hộ khẩu thường trú đều xác định ông N đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 01/2017, ông N không tiến hành đăng ký tạm vắng nên Công an phường H không biết ông N đã chuyển đến cư trú ở đâu và hiện nay không có mặt tại địa phương.

Tại biên bản xác minh của Tòa án đối với Ban công tác mặt trận Tổ dân phố X, phường K, thành phố H cũng như theo phiếu trả lời kết quả xác minh của Công an phường K, thành phố H đều xác nhận: Bà Đ.T.H cùng chồng là N.N.N có đăng ký tạm trú để ở trọ tại địa chỉ: Đường L, phường K, thành phố H từ năm 2010. Sau Tết nguyên đán năm 2017 thì ông N bỏ đi và không quay lại cư trú tại phường K thêm lần nào nữa.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định rằng ông N.N.N đã biệt tích hơn 02 năm liền trở lên, mặc dù đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc ông N.N.N còn sống hay đã chết. Do đó, việc bà Đ.T.H yêu cầu Tòa án tuyên bố ông N.N.N mất tích là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích: Theo trình bày của bà Đ.T.H thì trong quá trình chung sống, bà và ông N không có tài sản chung, bà H không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà Đ.T.H phải chịu toàn bộ chi phí đăng, phát thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự 300.000 đồng: Bà Đ.T.H phải chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; Điều 361; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 385 và Điều 389 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 68 của Bộ luật Dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đ.T.H về việc tuyên bố một người mất tích.

Tuyên bố ông N.N.N, sinh năm 1980; nơi cư trú cuối cùng: Số 74 Trần Nguyên Đán, phường Thuận Hòa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế mất tích.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Đ.T.H chịu toàn bộ chi phí đăng, phát thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật và đã chi phí xong.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Đ.T.H phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000527 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà Đ.T.H đã nộp đủ lệ phí.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đối với người vắng mặt tại phiên họp thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT – Huế (Phòng KTNV-THA);
- VKSND thành phố H;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Ngô Văn Nam